

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10-5-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thúy;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng;

Bà Dương Tú Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Chương- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXX-ST ngày 26/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐHPT-ST ngày 16/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; ĐKKHKT và ở: Số 3 ngách 9/14 phố Lương Định Của, phường KL, quận Đống Đa, Hà Nội;

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Ph, sinh năm 1974; ĐKKHKT và ở: Số 3 ngách 9/14 phố Lương Định Của, phường KL, quận Đống Đa, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020 và bản tự khai ngày 07/01/2021, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Ph kết hôn ngày 15/01/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh Ph được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình H Đăng, sinh ngày 01/09/2008 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 20/11/2012. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị H đang làm tại Cục HQ, thu nhập hàng tháng của tôi là 15.000.000 đồng/tháng đủ khả năng nuôi 02 con.

Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H kết hôn ngày 15/01/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, trong gia đình hay xảy ra tranh cãi xung đột. Khoảng năm 2018 anh chị đã làm đơn thuận tình ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận Đống Đa nhưng sau đó đã rút đơn về để hàn gắn đoàn tụ. Thời gian sau mâu thuẫn giữa hai vợ chồng lại tái diễn và ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý vì không muốn các con phải khổ vì bố mẹ ly hôn. Anh mong muốn chị H suy nghĩ lại, rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con trưởng thành. Trường hợp chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình H Đăng, sinh ngày 01/09/2008 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 20/11/2012. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đăng, chị H sẽ nuôi cháu G, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện anh Ph đang làm nhân viên Công ty FPT, thu nhập hàng tháng là 13.400.000 đồng/tháng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Đình Ph. Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai

con và không đề nghị anh Ph cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đình Ph trình bày: Anh không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Về con chung: Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Đăng, chị H sẽ nuôi cháu G, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được HĐXX thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,72,234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Về con chung: Giao cháu Đăng cho anh Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu G cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nhà ở, nợ: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Đình Ph kết hôn ngày 15/01/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương do vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị hiện đang cư trú tại số 3 ngách 9/14 phố Lương Định Của, phường KL, quận Đống Đa, Hà Nội; Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội theo quy định tại điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy: Anh Ph và chị H nảy sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh chị cùng thống nhất trình bày là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, trong gia

đình hay xảy ra tranh cãi xung đột. Năm 2018 anh chị đã làm đơn thuận tình ly hôn gửi Tòa án nhưng sau đó đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Thời gian sau mâu thuẫn giữa hai vợ chồng lại tái diễn và ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Hiện anh Ph, chị H đã sống ly thân, không cùng nhau xây dựng cuộc sống chung, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Ph không đồng ý ly hôn, đề nghị đoàn tụ là không có căn cứ. Chị H xin ly hôn anh Ph là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình H Đăng, sinh ngày 01/09/2008 và cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 20/11/2012. Hiện hai cháu vẫn ở cùng nhà với bố mẹ và đều có nguyện vọng được ở với chị H sau khi bố mẹ ly hôn. Nhưng xét điều kiện nuôi con của chị H và anh Ph là như nhau, để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn của cả hai anh chị; giao cháu Nguyễn Đình H Đăng cho anh Nguyễn Đình Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Trường G cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình Ph.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Nguyễn Đình H Đăng, sinh ngày 01/09/2008 và cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 20/11/2012. Giao

cháu Nguyễn Đình H Đăng cho anh Nguyễn Đình Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Trường G cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình Ph và chị Trần Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, nợ chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 015410 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Q.Đống Đa, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Q.Đống Đa;
- UBND xã Lương Điền, Cẩm Giang, H Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thúy